

Bản án số: **49/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐ-TA ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp 14, xã Th, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp 14, xã Th, huyện V, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2022, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh C cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Phước, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, bất hòa dẫn đến không thể chung sống được, vợ chồng sống ly thân nhiều năm. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị L và anh C có 02 người con chung tên Nguyễn Đức T, giới tính nam, sinh ngày 04/4/2012 và Nguyễn An K, giới tính nữ, sinh ngày 11/12/2013 (hiện cháu T và cháu K đang chung sống với chị L), chị yêu cầu được nuôi các con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung, không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh C không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T, giới tính nam, sinh ngày 04/4/2012 và cháu Nguyễn An K, giới tính nữ, sinh ngày 11/12/2013 cho chị L nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh C không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị L xin ly hôn với anh C và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh C kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phước, huyện Thanh Hoá, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh C chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng chị L và anh C sống ly thân nhiều năm nay, trong thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh C. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh C.

[4] *Về con chung*: Chị L yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Đức T, giới tính nam, sinh ngày 04/4/2012 và cháu Nguyễn An K, giới tính nữ, sinh ngày 11/12/2013, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T và cháu K có nguyện vọng chung sống với chị L, từ khi chị L và anh C sống ly thân cho đến nay chị L là người trực tiếp nuôi các con chung, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận chị L có đủ điều kiện nuôi con. Còn anh C trong quá trình giải quyết vụ án anh không có ý kiến gì đối với con chung. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Nguyễn Đức T, giới tính nam, sinh ngày 04/4/2012 và cháu Nguyễn An K, giới tính nữ, sinh ngày 11/12/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, anh có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị L là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81,

Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T, giới tính nam, sinh ngày 04/4/2012 và cháu Nguyễn An K, giới tính nữ, sinh ngày 11/12/2013 cho chị Lê Thị L nuôi dưỡng (cháu T, cháu K đang chung sống với chị L), anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con, anh C có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003838 ngày 10/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị L đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Thạnh Phước (nơi đăng ký kết hôn);
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng